

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2022/DSST**
Ngày: 04/3/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Đức Hòa;

2/ Bà Lê Thị Thận;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thế Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Đàm Thị Thủy – Kiểm sát viên

Trong ngày 03 và ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 148/2021/TLST – DS ngày 30 tháng 9 năm 2021 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2022/QĐXXST – DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Thu S, sinh năm: 1975

Nơi cư trú: Khu H, TT Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành Kh, sinh năm: 1979

Nơi cư trú: Thôn 2, xã M, huyện B, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn:

1/ Ông Đinh Minh Ch, sinh năm: 1974

2/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1977

Cùng trú tại: Thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Vương Thị Minh Ch, sinh năm: 1954

Nơi cư trú: Thôn T, xã B, huyện Ph, tỉnh Bình Phước

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa nhưng vắng mặt khi tuyên án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2021 của nguyên đơn bà Hồ Thị Thu S và trong quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Kh trình bày: Bà Hồ Thị Thu S và vợ chồng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H có mối quan hệ quen biết với nhau. Ngày 10/02/2020 vợ chồng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H có vay của bà Hồ Thị Thu S số tiền 445.000.000đ để đáo hạn Ngân hàng. Khi vay không có thể chấp tài sản. Các bên thỏa thuận miệng thời gian trả là 03 ngày kể từ ngày 10/02/2020 đến ngày 13/02/2020. Khi vay không có thỏa thuận lãi. Việc vay tiền có lập thành văn bản, ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H có ký nhận. Đến thời hạn trả tiền, bà Hồ Thị Thu S nhiều lần yêu cầu ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H trả nhưng ông bà cứ khuất lẩn. Nay, bà Hồ Thị Thu S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Minh Ch và bà Nguyễn Thị H trả tiền vay 445.000.000đ và tiền lãi tạm tính từ ngày 14/02/2020 cho đến ngày khởi kiện (tháng 6 năm 2021) là 44.322.000đ. Ngoài ra bà Hồ Thị Thu S không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Kh thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Minh Ch và bà Nguyễn Thị H trả tiền vay 445.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 14/02/2020 cho đến ngày xét xử.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đinh Minh Ch và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày: Vợ chồng ông bà và bà Hồ Thị Thu S là bạn hàng với nhau, không có mâu thuẫn gì. Vợ chồng ông bà xác nhận có vay tiền của bà Hồ Thị Thu S, nhưng không phải vay số tiền 445.000.000đ mà vay tổng số tiền là 300.000.000đ. Cụ thể: Hai lần vay tiền như sau:

Lần 1: Vay vào khoảng tháng 10 năm 2016 (không nhớ rõ ngày, tháng), với số tiền 100.000.000đ, thỏa thuận lãi suất là 2%/ tháng, không thỏa thuận thời hạn trả do bà Hồ Thị Thu S nói giúp để làm ăn. Các bên có làm giấy tờ vay, làm 01 bản do bà Hồ Thị Thu S giữ. Số tiền này ông bà đã trả được 24.000.000đ tiền lãi.

Lần 2: Vay vào tháng 6 năm 2019 với số tiền 200.000.000đ, lãi suất là 6%/ tháng (là 400.000đ/ 1 ngày). Mượn để đáo sổ nên thỏa thuận sau khi đáo sổ xong thì trả tiền (khoảng thời gian khoảng 10 ngày đến 15 ngày). Có làm giấy tờ vay, làm 01 bản do bà Hồ Thị Thu S giữ. Số tiền này vợ chồng ông bà không có trả khoản tiền lãi nào.

Hai lần vay này vợ chồng ông bà không có thể chấp tài sản nào cho bà Hồ Thị Thu S. Vợ chồng ông bà không cung cấp được giấy vay tiền cho Tòa án.

Ngày 10/2/2020 bà Hồ Thị Thu S tính lại tiền lãi của hai khoản vay trên, cụ thể: 400.000đ/ 1 ngày x hai trăm bảy mươi mấy ngày (không nhớ chính xác ngày) thành số tiền lãi là hơn 100 triệu. Đối với khoản vay 100.000.000đ, vay tháng 6 năm 2016 thì bà Hồ Thị Thu S tính lãi là 2%/ tháng x 100.000.000đ x hai mươi mấy tháng thành năm mươi mấy triệu và trừ đi 24.000.000đ ông bà đã trả, còn lại số tiền ba mươi mấy triệu. Tổng hai khoản tiền vay thành số tiền là 145.000.000đ (là tiền

lãi). Sau đó, bà Hồ Thị Thu S cộng với tiền gốc 300.000.000đ rồi bắt vợ chồng vợ chồng ông bà viết lại giấy vay tiền thành số tiền cộng gộp thành tiền gốc là 445.000.000đ. Vợ chồng ông bà thừa nhận giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp là do bà Nguyễn Thị H viết. Chữ ký, chữ viết dưới mục người mượn là chữ ký, chữ viết của vợ chồng ông bà. Khi viết tờ giấy có nội dung vay 445.000.000đ thì trong giấy không có ghi thời hạn trả. Các bên có thỏa thuận miệng là khi nào vợ chồng ông bà lấy được sổ đỏ đang do bà Thân Thị X giữ về vay tiền ngân hàng sẽ trả tiền. Bà Hồ Thị Thu S đồng ý và có nói là đóng lãi của số tiền 445.000.000đ theo lãi suất ngân hàng. Bà Hồ Thị Thu S cũng nói với vợ chồng tôi là nếu vợ chồng ông bà có tiền mặt trả thì bà Hồ Thị Thu S sẽ bớt cho vợ chồng ông bà 50 triệu tiền lãi. Việc này bà Hồ Thị Thu S nói miệng (vợ chồng ông bà không có tài liệu giấy tờ nào chứng minh). Tuy nhiên, vợ chồng ông bà không có tiền đóng lãi nên bà Hồ Thị Thu S có điện thoại yêu cầu trả tiền. Sau đó, tháng 7 năm 2021 (không nhớ ngày) bà Hồ Thị Thu S có xuống nhà vợ chồng ông bà yêu cầu trả tiền thì vợ chồng ông bà xin khất lại, bà Hồ Thị Thu S không đồng ý nên có to tiếng và vợ chồng ông bà có ghi âm cuộc nói chuyện này. Nay, bà Hồ Thị Thu S khởi kiện yêu cầu trả số tiền 445.000.000đ, vợ chồng ông bà không đồng ý trả số tiền 445.000.000đ, vợ chồng ông bà chỉ đồng ý trả số tiền vay 300.000.000đ và tiền lãi theo quy định của nhà nước.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà Vương Thị Minh Chính khẳng định vợ chồng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H không có vay số tiền 445.000.000đ mà chỉ vay số tiền là 300.000.000đ như khai trong quá trình giải quyết vụ án. Nay bà đề nghị Tòa án xem xét nợ gốc mà ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H vay là 300.000.000đ. Ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H đồng ý trả số tiền vay là 300.000.000đ và tiền lãi theo lãi suất Ngân hàng. Thời hạn trả là khi nào Công an kết thúc vụ việc giữa bà Thân Thị X và bà Nguyễn Thị H, ông Đinh Minh Ch vì hiện nay, ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định về tố tụng.

Ý kiến về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Đinh Minh Ch và bà Nguyễn Thị H trả tiền vay 445.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét: Bà Hồ Thị Thu S khởi kiện ông Đinh Minh Ch và bà Nguyễn Thị H yêu cầu trả số tiền vay 445.000.000đ và tiền lãi phát sinh. Bà Hồ Thị Thu S cung cấp tờ giấy có nội dung vay tiền để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Căn cứ

vào khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định quan hệ pháp luật là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn S, xã Th, huyện B, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xác định thẩm quyền giải quyết vụ án nói trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Phước.

[2] Xét giao dịch giữa bà Hồ Thị Thu S và vợ chồng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H được xác lập ngày 10/02/2020. Bộ luật Dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thu S yêu cầu vợ chồng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay 445.000.000đ: Bà Hồ Thị Thu S khai nhận ngày 10/02/2020 bà có cho vợ chồng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 445.000.000đ. Việc vay tiền có làm giấy tờ, ông Đinh Minh Ch và bà Nguyễn Thị H có ký nhận. Ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H không thừa nhận việc vay số tiền 445.000.000đ. Xét, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đinh Minh Ch và bà Nguyễn Thị H đều thừa nhận nội dung giấy vay tiền là do bà Nguyễn Thị H viết và chữ ký, chữ viết dưới mục người mượn trong giấy vay tiền là chữ ký, chữ viết của ông bà. Ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H khai nhận việc ông bà viết tờ giấy này là do bị bà Hồ Thị Thu S ép buộc viết. Ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H khai nhận số tiền 445.000.000đ là do bà Hồ Thị Thu S cộng dồn số tiền vay 300.000.000đ và tiền lãi của số tiền vay 300.000.000đ là 145.000.000đ thành số tiền vay 445.000.000đ. Trong đó, tiền lãi của số tiền vay 200.000.000đ được tính như sau: $400.000đ / 1 \text{ ngày} \times \text{hai trăm bảy mươi mốt ngày}$ (không nhớ chính xác) thành số tiền lãi là hơn 100 triệu. Đối với khoản vay 100.000.000đ, vay tháng 6 năm 2016 tính lãi là $2\% / \text{tháng} \times 100.000.000đ \times \text{hai mươi mốt tháng}$ thành năm mươi mốt triệu, được trừ đi 24.000.000đ tiền lãi đã trả còn lại là ba mươi mốt triệu. Tổng hai khoản tiền vay thành số tiền lãi là 145.000.000đ. Tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó”*. Tuy nhiên, ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông bà bị ép buộc viết giấy vay tiền và ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H cũng thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ chứng minh số tiền vay 445.000.000đ là do việc cộng gộp số tiền vay 300.000.000đ và tiền lãi 145.000.000đ (bút lục số 24, 29). Như vậy, lời khai của ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H không có cơ sở chấp nhận. Do đó, đủ cơ sở xác định việc ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H vay số tiền 445.000.000đ của bà Hồ Thị Thu S là có thật.

Theo lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Kh thì thời hạn trả số tiền vay là 03 ngày và không thỏa thuận lãi. Ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H cho rằng sau khi viết giấy vay tiền lập ngày 10/02/2020

thì các bên không có thỏa thuận thời hạn trả cụ thể mà chỉ nói chung chung khi nào ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H lấy được giấy CNQSDĐ về đi vay vốn Ngân hàng mới trả và các bên có thỏa thuận lãi 1%/ tháng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Kh thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ về thời hạn trả. Tại phiên tòa, ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H thừa nhận không có tài liệu, chứng cứ về việc thỏa thuận trả lãi. Do đó, có đủ căn cứ xác định việc vay tiền giữa bà Hồ Thị Thu S và vợ chồng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định: *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”*. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H thừa nhận sau khi viết giấy vay tiền lập ngày 10/02/2020 thì bà Hồ Thị Thu S có nhiều lần yêu cầu ông bà trả tiền, cụ thể: Ngày 20/6/2021 bà Hồ Thị Thu S có lên nhà yêu cầu trả tiền và trước ngày 20/6/2021 khoảng mấy tháng thì bà Hồ Thị Thu S có gọi điện yêu cầu trả tiền, vợ chồng ông bà xin khuất lại nhưng bà Hồ Thị Thu S không đồng ý. Như vậy, bà Hồ Thị Thu S có thực hiện việc báo cho ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H trước một thời gian hợp lý nhưng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H trả tiền cho bà Hồ Thị Thu S. Do bên vay tài sản vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên yêu cầu khởi kiện của bà Hồ Thị Thu S về việc yêu cầu ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H trả số tiền vay 445.000.000đ là có cơ sở.

[4] Xét yêu cầu trả tiền lãi: Tại đơn khởi kiện, bà Hồ Thị Thu S yêu cầu ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H trả tiền lãi là 44.322.000đ. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành Khuyên thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đinh Minh Ch và bà Nguyễn Thị H tiền lãi theo quy định của pháp luật tính từ ngày 14/02/2020 cho đến ngày xét xử. Căn cứ vào khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy, việc vay tiền giữa bà Hồ Thị Thu S và vợ chồng ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H là hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi. Tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định: *“Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”*. Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H thừa nhận sau khi viết giấy vay tiền lập ngày 10/02/2020 thì bà Hồ Thị Thu S có nhiều lần yêu cầu ông bà trả tiền, cụ thể: Ngày 20/6/2021 bà Hồ Thị Thu S có lên nhà yêu cầu trả tiền và trước ngày 20/6/2021 khoảng mấy tháng thì bà Hồ Thị Thu S có gọi điện yêu cầu trả tiền, vợ chồng ông bà xin khuất lại nhưng bà Hồ Thị Thu S không đồng ý. Như vậy, thời gian chậm trả được xác định là ngày 21/6/2021. Như vậy, yêu cầu của bà Hồ Thị Thu S về việc yêu cầu ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H trả tiền lãi có căn cứ

chấp nhận. Cụ thể, tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 21/6/2021 đến ngày 04/3/2022 (ngày xét xử) là 08 tháng 10 ngày x 0,83%/ tháng x 445.000.000đ = 30.779.160đ.

Như vậy, số tiền vay và lãi ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà Hồ Thị Thu S tổng cộng là 445.000.000đ + 30.779.160đ = 475.779.160đ.

[5] Về án phí: Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016 quy định: *“Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận”*. Do đó, bị đơn ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, Điều 466 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Thu S về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

Buộc bị đơn ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H liên đới trả cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thu S số tiền vay là 445.000.000 đồng và tiền lãi là 30.779.160đ. Tổng cộng số tiền phải trả là: 475.779.160 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm bảy mươi chín nghìn, một trăm mười sáu đồng).

2/ Về án phí: Buộc bị đơn ông Đinh Minh Ch, bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.031.166 đồng.

Chi cục Thi hành án huyện B, tỉnh Bình Phước hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Hồ Thị Thu S số tiền tạm ứng án phí là 11.786.440 đồng theo biên lai thu tiền số 016463 ngày 29 tháng 9 năm 2021.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 04/3/2022). Đương sự vắng mặt khi tuyên án thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND t. Bình Phước;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Thị Phương Hạnh